

STIEBEL ELTRON

Sản phẩm chất lượng cao
MÁY LỌC NƯỚC
của Stiebel Eltron / CHLB Đức

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG | MÁY LỌC NƯỚC UỐNG GLACIER



MÁY LỌC NƯỚC GLACIER

MÁY LỌC NƯỚC GLACIER

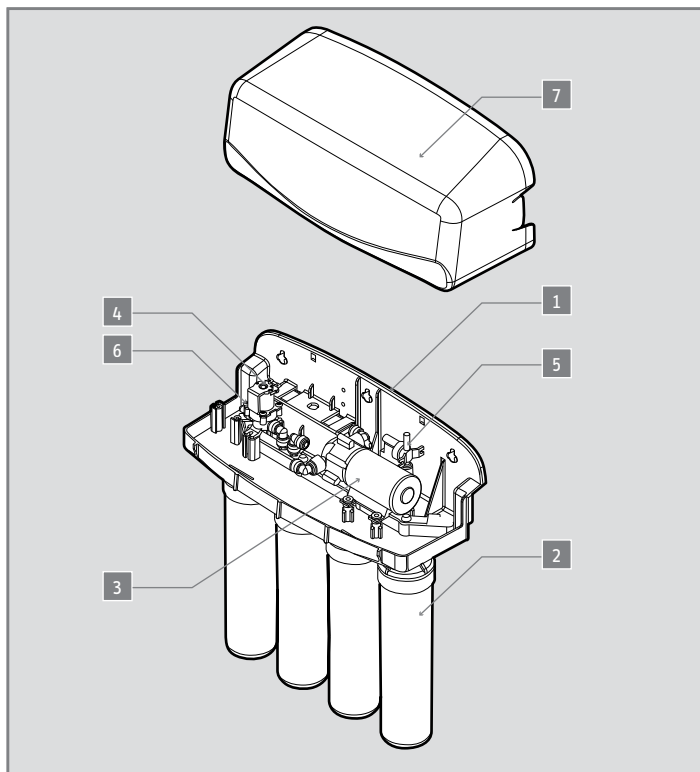
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

NỘI DUNG

1. CÁC BỘ PHẬN MÁY	4
2. VÒI NƯỚC VÀ PHỤ KIỆN	5
3. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG	6
4. THÔNG SỐ KỸ THUẬT LỖI LỌC	7
5. LẮP ĐẶT VÀ NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý	8
6. ỐNG ĐẦU NỐI KHUYU TAY	11
7. CHỨC NĂNG BỘ LỌC VÀ THAY LỖI LỌC	12
8. SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT	13
9. HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT	15
10. RỬA LỖI LỌC TRƯỚC KHI SỬ DỤNG	19
11. THAY LỖI LỌC VÀ BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG	22
12. KHẮC PHỤC SỰ CỐ	25

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. THÀNH PHẦN

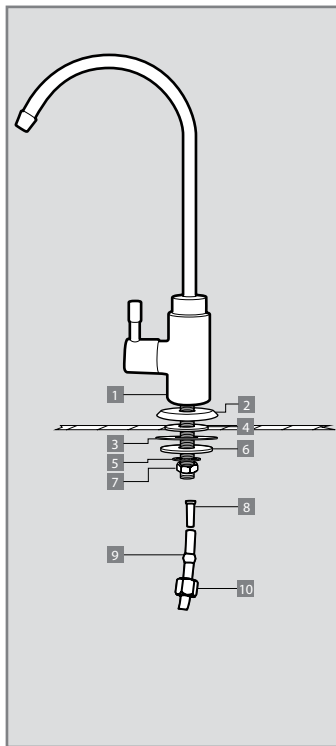


- 1 Đầu máy
- 2 Lõi lọc
- 3 Bơm điện một chiều RO
- 4 Công tắc đóng thông thường
- 5 Công tắc áp suất cao
- 6 Công tắc áp suất thấp
- 7 Nắp đậy

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

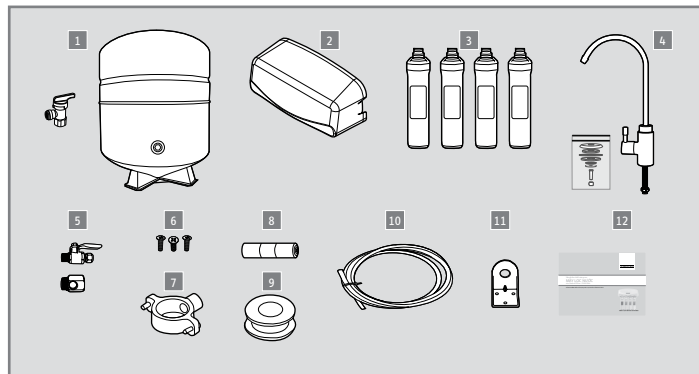
2. VÒI NƯỚC VÀ PHỤ KIỆN

2.1 Vòi nước



- 1 Vòi nước
- 2 Tấm mặt
- 3 Giông cao su
- 4 Giông
- 5 Giông nhựa
- 6 Giông răng trong
- 7 Ốc hai đầu
- 8 Nút nhựa
- 9 Bóng nhựa
- 10 Ốc khóa

2.2 Phụ kiện



- 1 Van khóa bình chứa + Bình chứa
- 2 Đầu máy
- 3 Lõi lọc
- 4 Bộ vòi
- 5 Van kết nối nước đầu vào
- 6 Vít M5 (3 chiếc x 2 bộ)
- 7 Núm cửa xả
- 8 Ống tiết lưu
- 9 Băng dính chống thấm
- 10 Ống nhựa
- 11 Giá đỡ vòi chữ "L"
- 12 Sổ hướng dẫn sử dụng

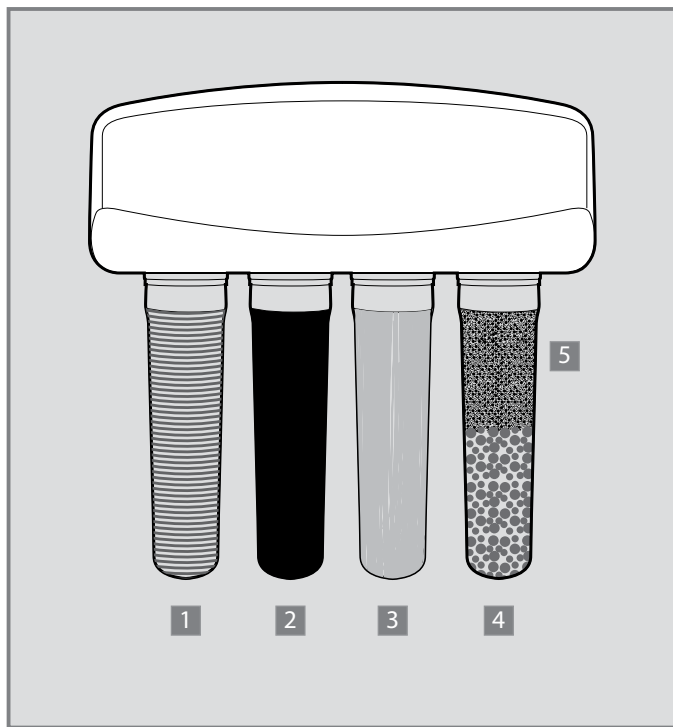
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

3. HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

Tên máy	Glacier 5 stage (11") Mã máy 205258	
Kiểu lắp đặt	lắp dưới bồn rửa, gắn trên tường	
Kiểu lõi lọc	kín	
Áp suất hoạt động tối đa	4 bar	
Áp suất hoạt động tối thiểu	2 bar	
Nhiệt độ hoạt động tối đa	35 °C	
Nhiệt độ hoạt động tối thiểu	4 °C	
Dung tích bình chứa	4.4 gallon	
Lõi lọc thô	Vật liệu	polypropylene
	Kích cỡ lỗ lọc	1 micron
	Tuổi thọ lõi lọc định mức	2880 L hoặc 8 tháng*
Lõi lọc cục than hoạt tính	Vật liệu	than hoạt tính
	Kích cỡ lỗ lọc	0.5 micron
	Tuổi thọ lõi lọc định mức	2880 L hoặc 8 tháng*
Lõi lọc thẩm thấu ngược RO EFRO	Vật liệu	composit màng polyme mỏng
	Kích cỡ lỗ lọc	tới 0,0001 micron
	Tuổi thọ lõi lọc định mức	6480 L hoặc 18 tháng*
Than hoạt tính dạng hạt có ion bạc (Ag+) kèm gốm khoáng	Vật liệu	than hoạt tính (Ag +), gốm sứ khoáng
	Tuổi thọ lõi lọc định mức	2880 L hoặc 8 tháng *
Nguồn nước	Nước máy đã qua xử lý, nước thô **	nước đã qua xử lý và các nguồn nước ngọt khác (**)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

4. THÔNG SỐ BỘ LỌC



Các bước lọc

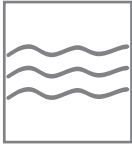
1. Lõi lọc thô
Polypropylene | 1 micron
2. Lõi lọc khối than hoạt tính
0.5 micron
3. EFRO RO membrane
down to 0.0001 micron
4. Mineral ceramics
5. Lõi than hoạt tính dạng hạt
(chống vi khuẩn)

Chức năng lọc

- Lọc rỉ sét và các cặn bẩn cỡ lớn
- Lọc vị khó chịu và mùi của nước Clo
- Các hợp chất hữu cơ Trihalomethane (THMs)
- Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi VOC
- Vi khuẩn, vi rút và các vi sinh vật Kim loại nặng
- Bổ sung khoáng chất tự nhiên vào nước uống
- Lọc mùi vị trong quá trình lọc cuối cùng
- Ngăn chặn phát triển vi khuẩn trong lõi lọc

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

5. LẮP ĐẶT VÀ NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý



Bộ lọc có thể được sử dụng với nước đã được lọc sơ bộ từ cơ sở cấp nước. Cũng có thể sử dụng với nước từ các nguồn nước ngọt như sông và giếng nhưng tuổi thọ và hiệu suất của lõi lọc có thể bị giảm.



Để đạt được kết quả lọc nước tối ưu và đáp ứng yêu cầu, chỉ nên lắp đặt bộ lọc trong những công trình có áp suất đường ống từ 1 đến 4 bar.



Bộ lọc phải được lắp đặt cách xa so với vật liệu dễ cháy và nguồn nhiệt để tránh bị biến dạng.

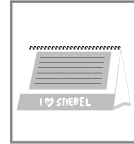


Hệ thống lọc nước chỉ nên lắp đặt bên trong công trình.



Chỉ lắp đặt bộ lọc vào nguồn nước lạnh có nhiệt độ nước từ 4 đến 35°C.

Không lắp đặt tại vị trí tiếp xúc với môi trường đóng băng.



Thay lõi lọc theo lịch để đảm bảo nước uống sạch.



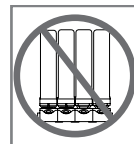
Máy lọc không được tiếp xúc với lực hoặc va đập.



Máy lọc phải được lắp đặt cách xa hoặc tránh ánh sáng trực tiếp (ví dụ: ánh sáng mặt trời).



Không XOAY để thay lõi lọc khi nước đang chảy. Thiết bị có thể bị hỏng do áp suất cao. Khi thay lõi lọc, phải đóng van xả nước.



Lắp lõi lọc thẳng đứng. Trong trường hợp di chuyển hoặc nâng lõi lọc, phải đảm bảo lõi lọc luôn ở tư thế thẳng đứng. Không lắp đặt trên bề mặt nghiêng. Lắp đặt tại địa điểm thuận tiện và có thể tiếp cận được việc bảo dưỡng và thay thế lõi lọc.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG

Dấu hiệu cảnh báo

Nguy hiểm	Cảnh báo	Thận trọng
Khi có thể xảy ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu không tuân thủ hướng dẫn	Khi có thể xảy ra chấn thương hoặc thiệt hại tài sản đáng kể nếu không tuân thủ hướng dẫn	Khi có thể xảy ra chấn thương nhẹ hoặc thiệt hại về tài sản nếu không tuân thủ hướng dẫn

Cảnh báo và Thận trọng



Không cố gắng kéo dây nguồn.
Có thể gây rò rỉ, điện giật hoặc hỏa hoạn do dây bị hỏng.



Không sử dụng dây nguồn hoặc ổ cắm bị hỏng. Có thể gây ra điện giật và hỏa hoạn.



Nếu có dị vật trên dây nguồn hoặc bị bụi bẩn, phải làm sạch ngay.
Kết nối không an toàn có thể gây hỏa hoạn.

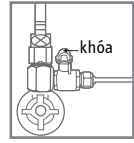


Không sử dụng nhiều phích cắm trên một ổ cắm. Có thể gây nóng và cháy.



Không dùng tay ướt

Không cắm/rút phích cắm bằng tay ướt. Có thể bị điện giật.



Khóa van cấp nước ngay khi xảy ra rò rỉ hoặc khi hình thành vũng nước xung quanh thiết bị.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG



Khi sử dụng lại thiết bị sau một thời gian dài tắt máy, phải xả hết nước lọc trong bình chứa trước khi sử dụng lại. Bình chứa có thể bị nhiễm bẩn. Xả sạch bình ít nhất hai lần trước khi sử dụng lại.



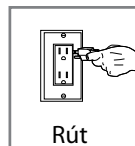
Khi thay lõi lọc hoặc khi di chuyển máy, không kéo mạnh ống nối với vòi. Đường ống có thể bị ra ngoài hoặc kết nối có thể bị yếu đi.



Không sử dụng nước đã lọc để đổ vào bể cá. Nước lọc qua bộ lọc thẩm thấu ngược sẽ thiếu các ion, là môi trường không thích hợp cho cá. Trong một số trường hợp, cá có thể chết.



Không cố gắng phun nước vào sản phẩm hoặc sử dụng ở khu vực ẩm ướt. Có thể gây ra điện giật và hỏa hoạn.



Rút dây nguồn trong trường hợp vệ sinh gần máy lọc. Nếu không, có thể gây ra điện giật.



Không sử dụng khi sản phẩm bị hư hỏng. Có thể là nguyên nhân dẫn đến chập, cháy, rò rỉ điện. Phải rút phích cắm chính, sau đó đóng van bi và gọi cho trung tâm bảo hành gần nhất.



Không tháo rời, sửa chữa hoặc thao tác. Có thể gây ra điện giật, hỏa hoạn hoặc rò rỉ.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

6. ỐNG ĐẦU NỐI

Kết nối ống giữa các bộ phận

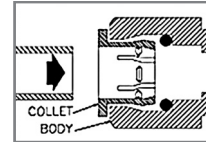
Đường nước lạnh đầu vào, cụm ống góp, bình chứa, vòi nước và đường thoát nước đều có thể được kết nối dễ dàng bằng cách sử dụng các chốt kết nối nhanh.

Cách sử dụng ống đầu nối nhanh

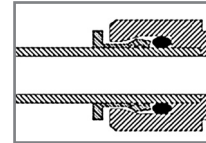
Ống đầu nối là một cấu trúc có hình dạng như hình vẽ. Một bộ phận được gọi là ống kẹp được lắp vào thân máy chính.

Mặt trong của ống kẹp có hình dạng giống như một cái móc, không để ống bị rơi ra ngoài khi lắp vào.

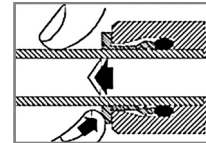
1. Đẩy sâu ống vào vị trí chứa ống kẹp. (Hình 1, 2)
2. Khi tháo ống, đẩy ống kẹp xuống và kéo ống ra (Hình 3)



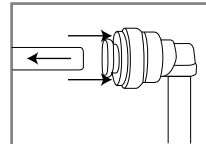
Hình 1: Đẩy ống qua ống kẹp vào thân máy.



Hình 2: Ống phải định vị chắc chắn ở đáy của ống đầu nối.



Hình 3: Đẩy ống kẹp vào thân ống để nhả ống nhựa.



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

7. CHỨC NĂNG LỌC & THAY THẾ

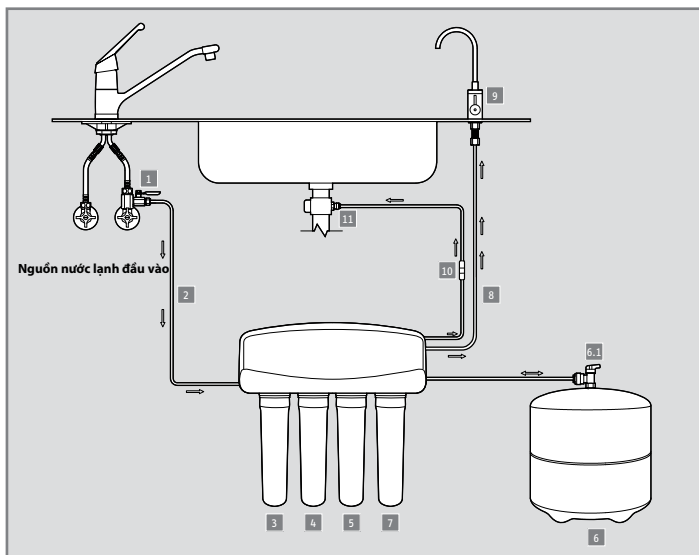
Danh mục	Lõi lọc thô	Lõi lọc than hoạt tính	Lõi lọc RO EFRO	Lõi lọc than ion bạc + gốm
Tốc độ dòng chảy tối đa	4L/phút	4L/phút	50GPD (190 LPD)	4L/phút
Nhiệt độ	4 ~ 35°C			
Áp suất hoạt động	2-4 bar			
Thời gian thay lõi lọc (*)	8 tháng hoặc 2880 L	8 tháng hoặc 2880 L	18 tháng hoặc 6480 L	8 tháng hoặc 2880 L
Nguyên liệu lọc	Polypropylene	Than hoạt tính	Polyamide	Than hoạt tính có ion bạc / bóng gốm khoáng
Nguồn gốc sản phẩm	Sản xuất tại Hàn Quốc			
Chức năng lọc	Loại bỏ các hạt cực nhỏ và vết rỉ sét còn sót lại	Loại bỏ clo, các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và mùi	Loại bỏ kim loại nặng, hợp chất ion, vi khuẩn, vi rút và vi sinh vật, muối và độ cứng canxi	Khử mùi và cải thiện vị nước. Chứa khoáng chất bằng gốm khoáng và khả năng chống vi khuẩn nhờ ion bạc

(*): phụ thuộc vào nguồn nước và chất lượng nước đầu vào.

- Thời gian thay lõi lọc: Thay lõi lọc thường xuyên. Lạm dụng quá mức có thể làm giảm chất lượng nước từ hệ thống nước.
- Lịch thay lõi lọc có thể khác với lịch dự kiến tùy thuộc vào chất lượng nguồn cấp nước. (Lịch thay lõi lọc áp dụng cho chức năng sử dụng gia đình thông thường, d ao động từ 12l mỗi ngày.)
- Nên thay ống nhựa 2 năm một lần vì mục đích an toàn và vệ sinh.

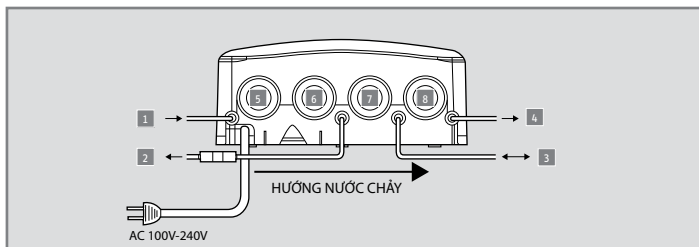
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

8. SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT



Sơ đồ lắp đặt

- 1 Van bi/Nút 1/4 " kết nối nước đầu vào
- 2 Nguồn nước đầu vào
- 3 Lọc thô
- 4 Lọc khối than hoạt tính
- 5 Lọc RO
- 6 Bình chứa (4,4 GL); 6.1. Van khóa bình chứa
- 7 Lọc bột than hoạt tính trộn ion bạc + gốm khoáng
- 8 Nước lọc để sử dụng
- 9 Vòi nước lọc đầu ra
- 10 Khóa đường ống thoát nước
- 11 Đầu nối xả & kẹp xả



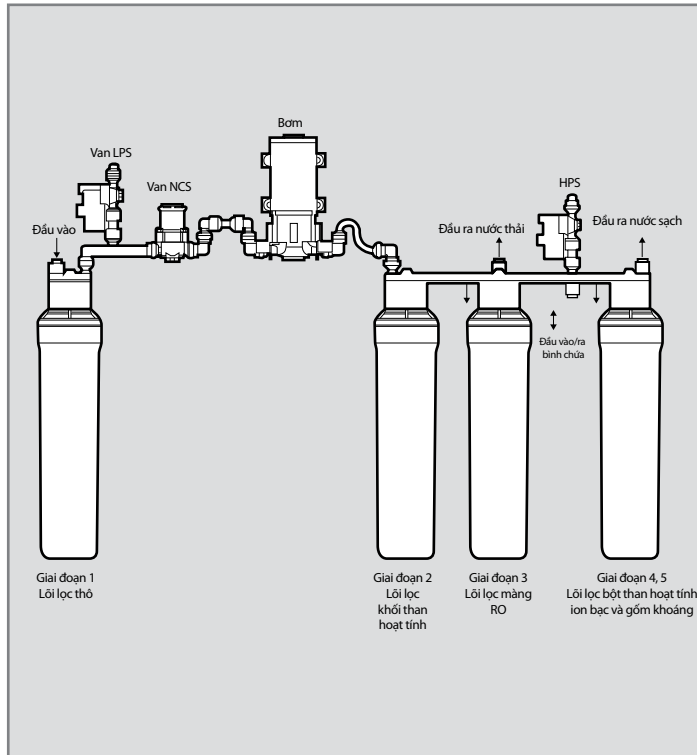
Mặt sau máy chi tiết

- | | |
|--|---|
| 1 Bước 1 kết nối với nước đầu vào (ĐẦU VÀO) | 5 Lõi lọc thô |
| 2 Bước 2 kết nối với ống thoát nước | 6 Lõi lọc khối than hoạt tính |
| 3 Bước 3 kết nối với bình chứa | 7 Lõi lọc màng RO |
| 4 Bước 4 kết nối với vòi (ĐẦU RA) | 8 Lõi lọc bột than hoạt tính ion bạc + gốm khoáng |

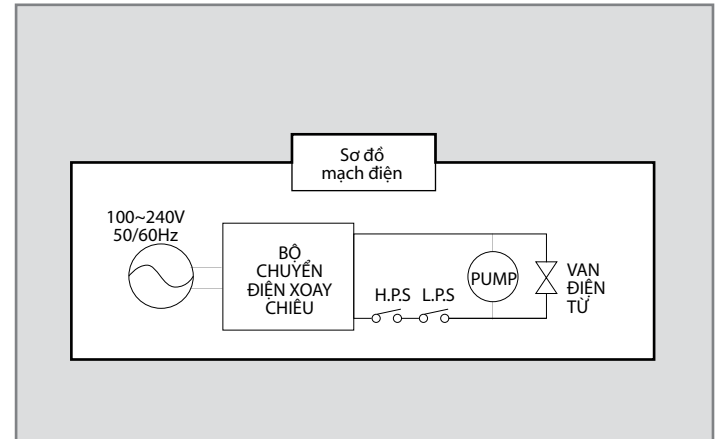
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

8. SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT

Sơ đồ dòng chảy

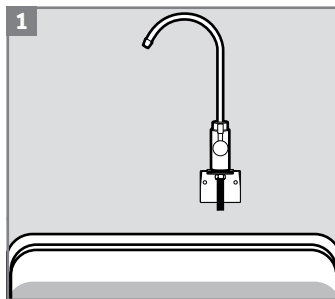


Sơ đồ mạch điện

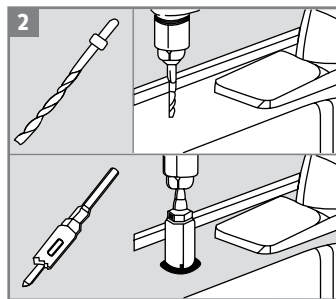


HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

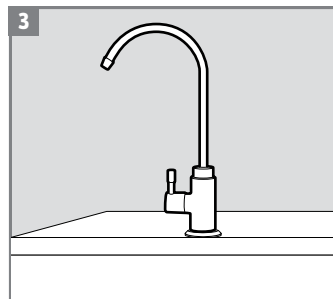
9. HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT



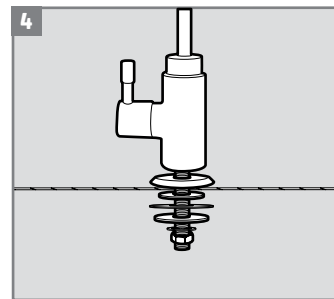
Trong trường hợp lắp đặt vòi gắn trên tường, sử dụng giá treo chữ L để cố định vòi như mô tả trong hình 3-4.



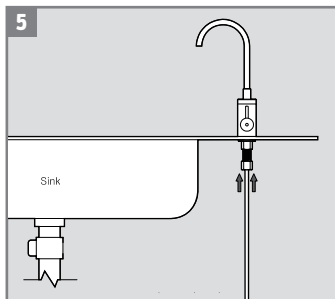
Chọn vị trí thích hợp để lắp vòi.
Khoan lỗ lắp vòi vào bồn rửa.



Lắp long đen đáy vào vít bên dưới thân chính của vòi và lắp vòi vào lỗ.



Lắp gioăng cao su từ bên dưới bồn rửa và cố định vòi vào đúng vị trí.



Kết nối ống đầu ra với đầu nối vòi nước.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

9. HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT

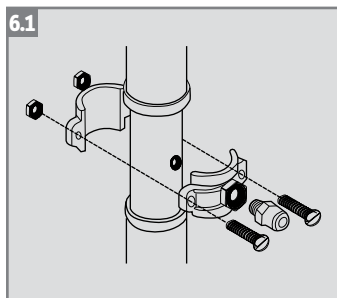
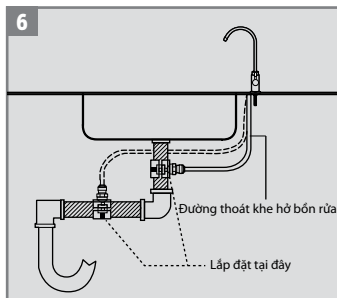
6. Lắp van xả (loại vòi bồn rửa có khe hở không khí)

- Vị trí của van xả nước phụ thuộc vào vị trí đường thoát nước của từng loại bồn
- Khi chọn vị trí đặt van xả, phải đảm bảo vị trí đó có đủ không gian để máy khoan hoạt động.
- Gắn van xả ở cả hai bên của ống thoát nước và siết chặt cả hai bu lông của van (thận trọng: siết quá chặt có thể làm hỏng thiết bị.)
- Sử dụng lỗ (dùng cho đầu nối dương), khoan lỗ vào ống thoát nước của bồn rửa.
- Lắp đầu nối dương vào van xả (quấn băng băng dính để ngăn rò rỉ nước.)

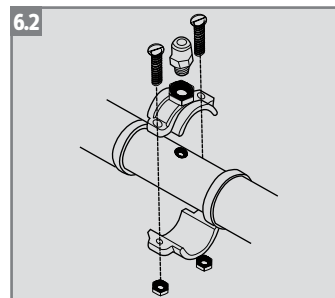
Thận trọng

Thận trọng

- Vị trí của các bộ phận xả có thể ảnh hưởng đến hiệu suất của hệ thống lọc, do đó cần phải lắp đặt như hình dưới đây.
- Đối với loại vòi bồn rửa không có khe hở, cần lắp đặt ở nơi thích hợp. Không lắp đặt các bộ phận điện ở những nơi có khả năng tiếp xúc với nước.



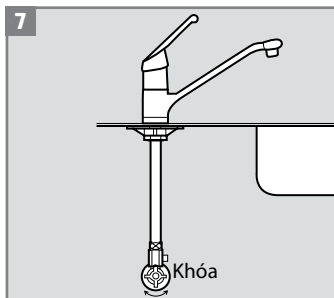
Đường thoát dọc:
Xác định vị trí lỗ thoát nước trên đoạn ống thẳng bên cạnh vị trí giữa lỗ thoát và bồn rửa.



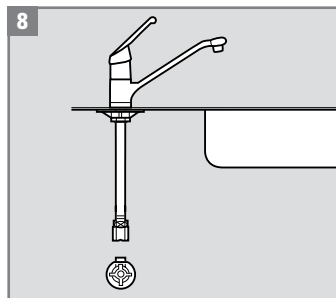
Đường thoát ngang:
Xác định vị trí lỗ thoát nước càng gần đầu ống càng tốt (giữa điểm 45° và đỉnh) và càng xa nơi đổ rác càng tốt.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

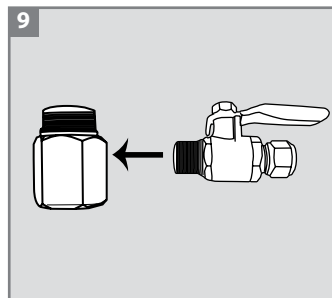
9. HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT



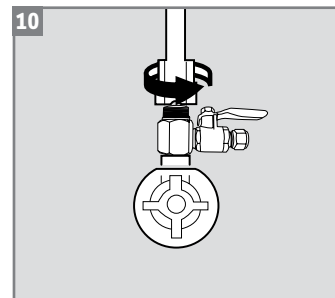
7 Khóa van chặn của đường cấp nước lạnh.



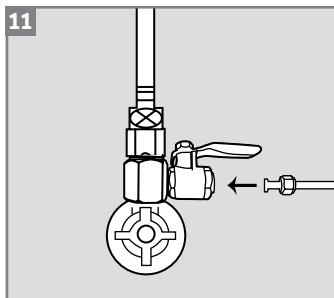
8 Tháo ống kim loại khỏi đầu vào cấp nước lạnh dưới bồn rửa.



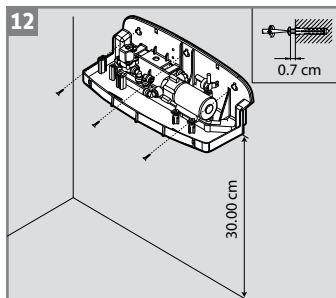
9 Nối van bi bộ kết nối nước đầu vào vào với núm (sử dụng băng dính).



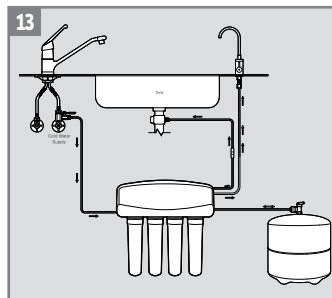
10 Lắp van bi và núm vào nguồn cấp nước. Lắp lại ống kim loại.



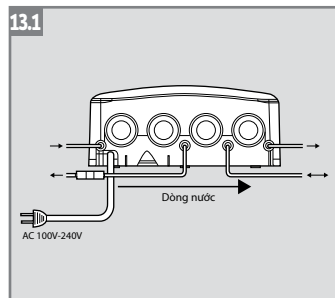
11 Cắt ống nhựa thành 4 đoạn (độ dài tùy thuộc vào vị trí của từng bộ phận trong hình 13.1). Nối ống đầu vào và xiết chặt ống với nắp.



12 Chọn một vị trí thích hợp dưới bồn rửa cách bồn rửa ít nhất 30 cm để cho phép lắp lõi lọc dễ dàng. Tạo các lỗ trên tường để cố định đầu nối dưới bồn rửa bằng cách lắp các vít vào đúng vị trí cách tường 0,7 cm.

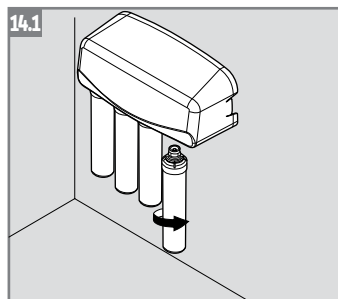
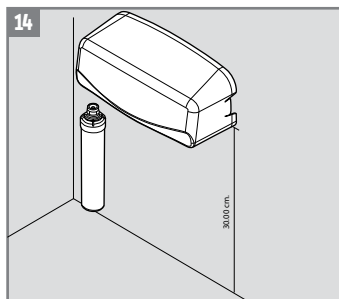


13 Lắp ống nhựa như hình 13.2 và đầu nối vào đầu nối tường. Nối các đường ống với Đầu vào, với Bình chứa và với Vòi theo đúng các dấu đường ống phía sau thiết bị.



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

9. HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT



Căn chỉnh lõi lọc với lỗ bên dưới đầu máy. Khớp hướng lõi lọc lọc và đầu máy. Lắp lõi lọc vào rồi xoay theo chiều kim đồng hồ cho đến khi dừng lại. Đẩy lõi lọc để kiểm tra xem đã chắc chắn chưa.



Thận trọng

Thận trọng

- Lắp lõi lọc có tên theo đúng dán nhãn tại lỗ kết nối. Nếu lắp lọc lắp sai vị trí, quá trình lọc sẽ bị trục trặc.

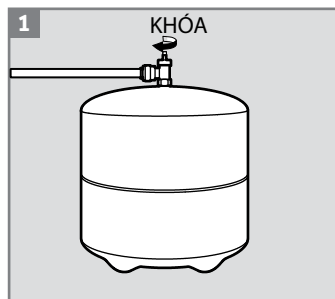
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

10. XẢ BỘ LỌC TRƯỚC KHI SỬ DỤNG

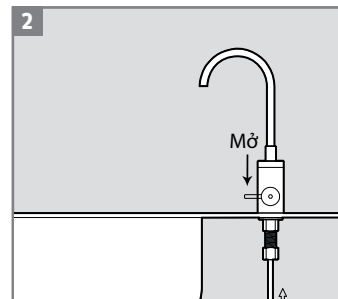
! **Thận trọng**

Thận trọng

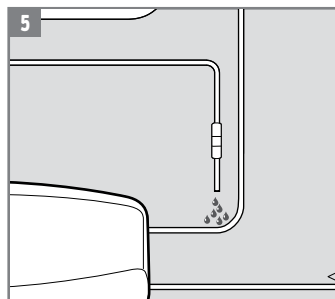
- Đảm bảo tất cả các kết nối được thực chính xác cách trước khi vận hành hệ thống.
Đồng thời đảm bảo tất cả các bộ phận được kết nối chắc chắn.



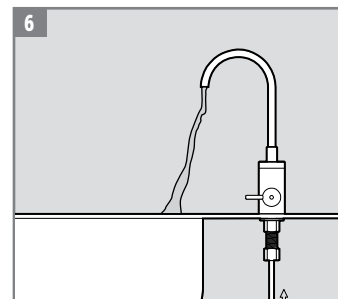
1
Khóa van khóa bình chứa.



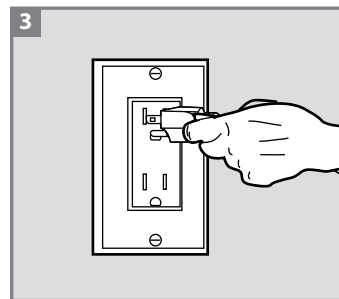
2
Mở vòi. (Xoay tay cầm của vòi ngược chiều kim đồng hồ.)



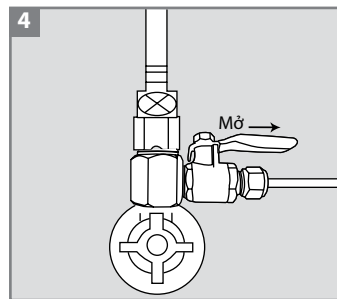
3
Nước phải thoát ra ở đường thoát nước



4
Sau khoảng 10 phút, kiểm tra xem có nước lọc ở vòi không.



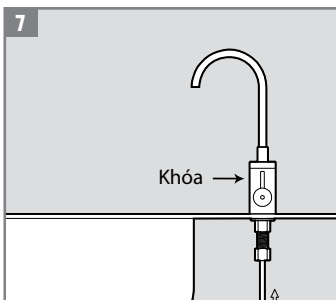
5
Cắm phích cắm điện nguồn



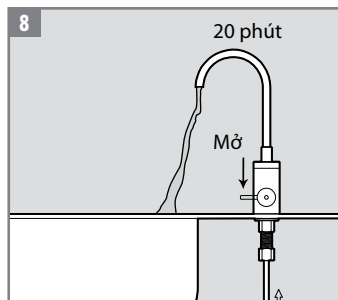
6
Mở từ từ van cấp nước vào qua van bi.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

10. XẢ BỘ LỌC TRƯỚC KHI SỬ DỤNG



Khóa vòi nếu nước lọc vẫn chảy ra từ vòi một cách bình thường. Kiểm tra rò rỉ ở máy lọc, lõi lọc, đầu nối và các khu vực kết nối.



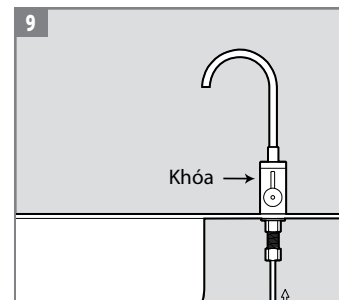
Nếu không có rò rỉ, mở lại vòi. Để khoảng 20 phút để xả nước ra ngoài làm sạch hộp lọc. (Đây là quá trình xả rửa màng RO.)



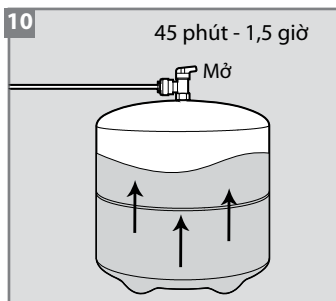
Thận trọng

Thận trọng

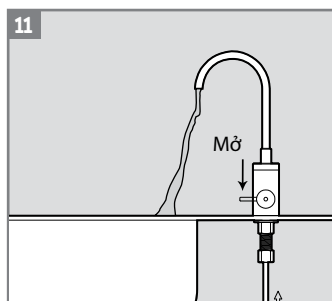
- Chưa được mở van bi của bình chứa.



Sau khi xả xong, khóa vòi



Mở van khóa trên bình chứa. Nước lọc sẽ bắt đầu được lọc vào bình. Chờ cho đến khi nước đầy bình. (khoảng 45 phút - 1,5 giờ). Khi bình chứa đầy, lưu ý máy bơm sẽ ngừng hoạt động.



Mở vòi để xả nước bên trong bình chứa. Sau khi bình chứa hết nước, lọc lại một lần nữa, hệ thống lúc này đã có thể sử dụng được.



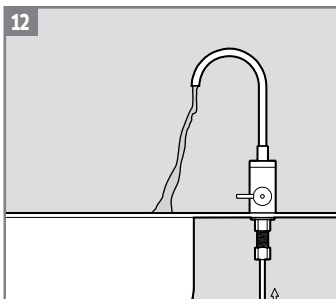
Cảnh báo

Thận trọng

- Không sử dụng nước ban đầu trong bình chứa.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

10. XẢ BỘ LỌC TRƯỚC KHI SỬ DỤNG



Trong trường hợp nước lọc có vị hoặc mùi lạ, phải lặp lại các bước xả rửa lõi lọc trên 1-2 lần và kiểm tra xem mùi và vị lạ có biến mất hay không.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

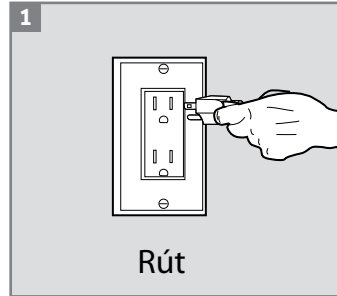
11. THAY LỖI LỌC VÀ BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG

11.1 Thay lõi lọc

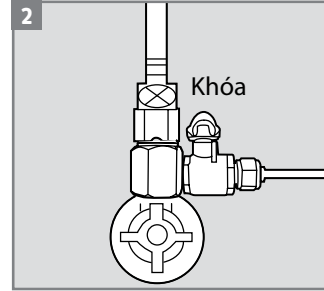
⚠ Thận trọng

Thận trọng

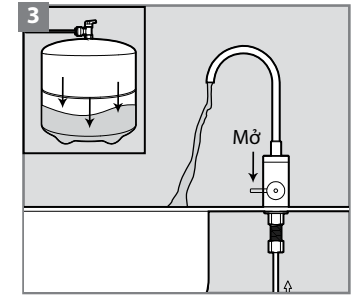
- Nguy cơ điện giật



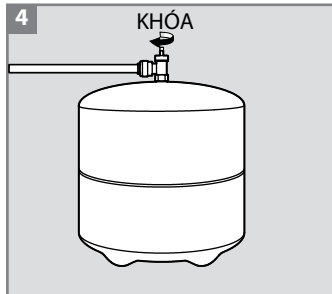
Rút phích cắm nguồn trước khi thay lõi lọc.



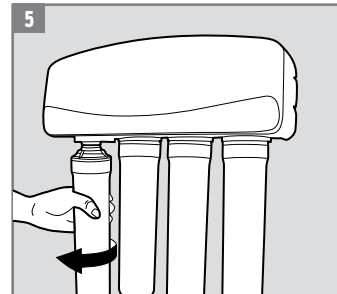
Đóng van cấp nước đầu vào (van bi)



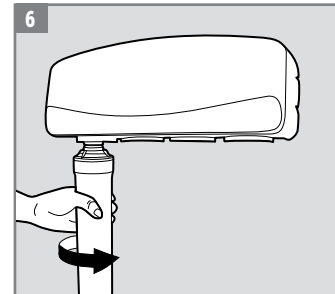
Xả áp suất trong hệ thống bằng cách mở vòi cho đến khi bình chứa cạn (không còn nước chảy ra từ vòi)



Khóa van bi ở bình chứa.



Tháo lõi lọc bằng cách xoay lõi lọc sang ngược chiều kim đồng hồ. Sau đó lấy hộp lõi lọc ra

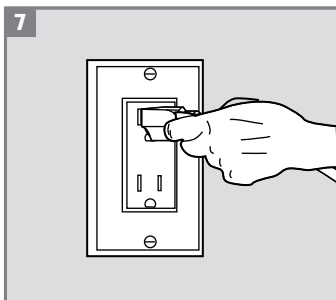


Tháo các lớp bọc của lõi lọc mới, căn chỉnh phần trên cùng với đầu máy, lắp lõi lọc vào và xoay theo chiều kim đồng hồ.*

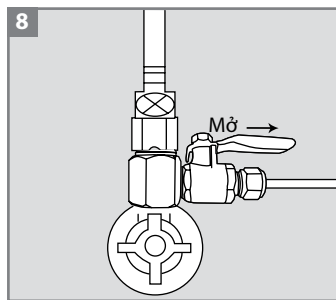
*Lắp lõi lọc có đúng tên theo dán nhãn tại đầu kết nối. Nếu lắp lọc lắp sai vị trí, quá trình lọc sẽ bị trục trặc.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

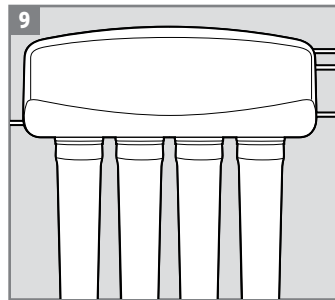
11. THAY LỖI LỌC VÀ BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG



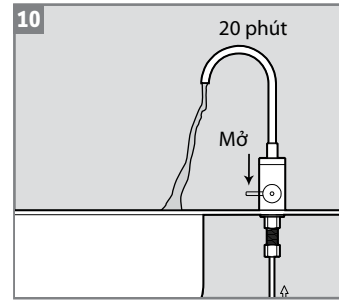
7 Sau khi thay hộp xong, cắm phích cắm nguồn.



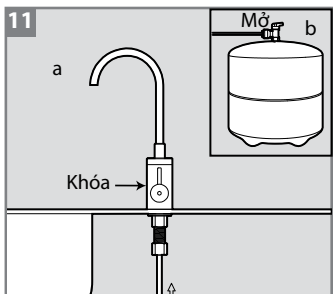
8 Mở từ từ van cấp nước vào (van bi).



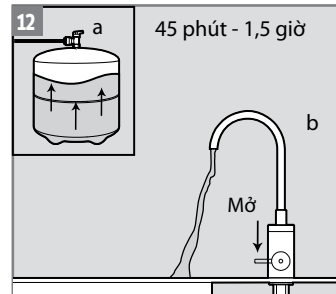
9 Kiểm tra rò rỉ ở lõi lọc, đầu nối và các khu vực kết nối.



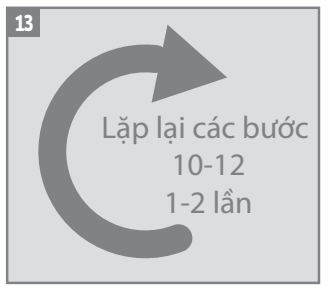
10 Sau khi mở van cấp nước, sẽ có nước xả từ đường xả. Phải loại bỏ nước này phải. Nước đã lọc sẽ chảy ra từ vòi. Chờ trong 20 phút. Sau đó, khóa van cấp nước.



11 Khóa vòi, sau đó mở van bi ở bình chứa.



12 Mất 45 phút - 1,5 giờ để nước đầy bình. Khi bình chứa đầy, mở vòi để xả rửa bộ lọc. Sau khi bình chứa hết nước, cho nước đầy bình lại lần nữa, hệ thống lúc này đã sẵn sàng được sử dụng.



13 Trong trường hợp nước lọc có vị hoặc mùi lạ, lặp lại các bước 10-12 khoảng 1-2 lần và kiểm tra xem mùi vị lạ có biến mất hay không.

⚠️ Thận trọng

Thận trọng

- Trường hợp thay Màng lọc RO, thực hiện theo tất cả các hướng dẫn, đặc biệt là bước 10

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

11. THAY LỖI LỌC VÀ BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG

11.2 Bảo dưỡng hệ thống

Để duy trì nước sạch, luôn tuân thủ các hướng dẫn sau đây.

- Luôn kiểm tra lịch thay các lõi lọc.
Lõi lọc thô: 8 tháng hoặc 2880L (*)
Lõi lọc cột than hoạt tính: 8 tháng hoặc 2880L (*)
Lõi lọc màng RO EFRO: 18 tháng hoặc 6480L (*)
Lõi lọc bột than hoạt tính ion bạc + gốm: 8 tháng hoặc 2880L (*)
*: tùy thuộc vào chất lượng nước đầu vào
- Để duy trì hiệu suất và kéo dài tuổi thọ của màng RO, phải súc xả thường xuyên.
Súc xả thường xuyên sẽ làm tăng hiệu suất và độ bền của màng.
(Khuyến nghị: Xả ít nhất 15 phút mỗi tuần một lần)
- Nước xả từ đường xả không uống được nhưng có thể tái sử dụng.
(Ví dụ: giặt giũ, rửa xe, lau nhà, v.v ...)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

12. KHẮC PHỤC SỰ CỐ

Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Nước có màu đen hoặc các hạt đen.	Máy lọc nước RO có chứa bột cacbon. Sau khi lắp đặt, các hạt nhỏ có thể xuất hiện trong nước.	Sau khi lắp đặt hoặc thay bộ lọc, xả nước theo hướng dẫn như mục 10 hoặc 11 để làm sạch hạt cacbon nhỏ có thể còn sót lại trong các lõi lọc.
Nước không chảy	Van cấp nước đầu vào có khóa không? Không có nước trong bình chứa vì không có nguồn điện	Mở van cấp nước. Kiểm tra nguồn điện
Không đủ nước chảy ra	Các ống có xoắn vào nhau hay bị cong không?	Cởi nút. Thay ống bị cong. Chú ý hiện tượng rò rỉ đường ống
	Van cấp nước chỉ mở một phần?	Mở hoàn toàn van cấp nước.
	Van bi ở bình chứa có khóa không?	Mở van bi ở bình chứa.
	Có phải dung tích của bình chứa quá nhỏ và nhanh cạn không?	Thay máy lọc nước khác với bình chứa lớn hơn hoặc thay đổi thông số màng lọc b
	Bộ lọc đã hết thời gian sử dụng chưa?	Thay bộ lọc.
	Áp suất không khí trong bình chứa quá thấp	Xả cạn bình chứa và điều chỉnh áp suất không khí đến 55kPa (8psig). Khóa van cấp nước và gọi cho trung tâm bảo hành.
Hệ thống không tắt và xả nước liên tục.	Van ngắt tự động không khóa.	Khóa van cấp nước và gọi cho trung tâm bảo hành.
Nước xả không chảy	Khóa bị tắc.	Khóa van cấp nước và gọi cho trung tâm bảo hành.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

12. KHẮC PHỤC SỰ CỐ

Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Nước có vị và mùi lạ.	Bộ lọc đã hết thời gian sử dụng chưa? (Kiểm tra lịch thay)	Thay bộ lọc.
	Màng RO đã hết thời gian sử dụng chưa? (Kiểm tra lịch thay)	Thay màng lọc RO.
	Đã sử dụng nước trong bình chứa quá lâu?	Đổ đầy và xả cạn bình chứa từ 2 - 3 lần, sau đó đổ đầy.
Rò rỉ tại các khu vực kết nối.	Ống không được kết nối hoàn toàn.	Đẩy ống đến cuối cùng và kết nối hoàn toàn.
	Đầu ống bị hỏng	Cắt phần ống bị hỏng và nối lại hoặc thay ống.
Rò rỉ đầu máy	Vòng chữ O bản lề bị lỗi giữa các đầu nối.	Khóa van cấp nước và gọi cho trung tâm bảo hành.
Máy bơm RO hoạt động ồn hơn trước.	Sau một thời gian sử dụng các Lõi lọc, các hạt nhỏ có thể bị lắng đọng bên trong có thể gây tắc nghẽn, làm cho máy bơm hoạt động khó khăn hơn.	Nếu tiếng ồn không tăng và ổn định, tiếp tục sử dụng cho đến khi thay lõi lọc và kiểm tra xem tiếng ồn có giảm không. Nếu không giảm, liên hệ với trung tâm bảo hành của Stiebel Eltron.

GERMANY

STIEBEL ELTRON INTERNATIONAL GMBH | DR.-STIEBEL-STRASSE | 37603 HOLZMINDEN

PHONE +49 5531 7020 | E-MAIL INFO@STIEBEL-ELTRON.COM | WWW.STIEBEL-ELTRON.COM

VIETNAM

STIEBEL ELTRON VIETNAM CO., LTD.

KHU THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ SỐ 0.03 THÁP B1 – KHU CHUNG CƯ PHỨC HỢP LÔ M2

(SARIMI) SỐ 72 NGUYỄN CƠ THẠCH, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG, TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH

PHONE 1800888822

Size : A5

Material: GREEN READ PAPER 75 G.

Plastic bag : 7 x 11 INCH

Product code : GLACIER (VN) : 205258

Part name : OPERATING INSTRUCTION GLACIER (VN)

Rev.00

357532-44957-9774

Part no. 357532



STIEBEL ELTRON